

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-PT.

Ngày: 07/12/2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và
chia tài sản khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phụng

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2021/TLPT - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2021/QĐ - PT ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thúy Q, sinh năm 2000. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Đỗ Thúy Q trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 24/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Trong lúc cự cãi bị đơn có lời lẽ xúc phạm và có hành vi bạo lực trong thời gian nguyên đơn mang thai. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Đỗ Chí T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/5/2020, hiện đang sống với nguyên đơn. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được nuôi con và yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn có 05 chỉ vàng 24K, hiện bị đơn đang giữ, nguyên đơn thống nhất trừ đi chi phí lúc sinh con khoảng 5.000.000 đồng (tương đương 01 chỉ vàng 24K), còn lại chia đôi.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Bị đơn thống nhất về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và tài sản chung như nguyên đơn trình bày. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn đồng ý.

Về con chung: Bị đơn đồng ý để nguyên đơn nuôi dưỡng con chung và bị đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Bị đơn thống nhất vợ chồng có 05 chỉ vàng 24K như nguyên đơn trình bày, nhưng đã chi xài trong thời gian nguyên đơn sinh con, hiện đã không còn nên bị đơn không đồng ý chia.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 23/2021/HNGĐ - ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thúy Q. Cho chị Đỗ Thúy Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Đỗ Thúy Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đỗ Chí T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/5/2020. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đỗ Thúy Q đối với cháu Nguyễn Đỗ Chí T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/5/2020, với mức cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), cấp dưỡng hàng tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/5/2021) đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thúy Q mỗi người được chia 02 (Hai) chỉ vàng 24K. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thôi chia cho chị Đỗ Thúy Q 02 (Hai) chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, bị đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Bị đơn không đồng ý việc phân chia tài sản chung là 02 chỉ vàng 24K cho nguyên đơn. Vì số vàng nữ trang này bị đơn đã bán hết để chăm lo cho nguyên đơn sinh con và nuôi con, hiện nay đã không còn. Bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thôi chia cho nguyên đơn 02 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa ngày hôm nay Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa này người tham gia Tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định lại cho đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 6 năm 2021 bị đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*” là chưa đầy đủ. Bởi lẽ, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn và có đơn yêu cầu chia tài sản khi ly hôn; Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại là “*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*”.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bị đơn không đồng ý việc phân chia tài sản chung là 02 chỉ vàng 24K cho nguyên đơn. Qua chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy, về tài sản chung, nguyên đơn và bị đơn đều xác định và thống nhất tài sản chung là 05 chỉ vàng 24K, do các đương sự đều thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn xác định trong thời gian nguyên đơn nằm viện sinh con tổng chi phí khoảng 5.000.000 đồng; nguyên đơn có cung cấp 02 hóa đơn cùng ngày 18/5/2020 (Bút lục số 20, 21) thể hiện tiền thuốc và viện phí là 1.140.125 đồng. Nguyên đơn thống nhất trừ đi chi phí sinh con tương đương với 01 chỉ vàng 24K, còn lại 04 chỉ vàng 24K nguyên đơn yêu cầu chia đôi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày là đã bán 05 chỉ vàng 24K để chi xài trong thời gian nguyên đơn sinh con, hiện đã không còn nên không đồng ý chia cho nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn không nêu ra được chi phí cụ thể mà bị đơn đã chi. Mặt khác, nguyên đơn xác định sau khi sinh con thì nguyên đơn đã về sống cùng mẹ ruột cho đến nay, bị đơn không quan tâm, chăm sóc cũng như không

có phụ giúp chi phí nuôi con. Như vậy, việc nguyên đơn khấu trừ 01 chỉ vàng 24K vào chi phí sinh con là phù hợp và có lợi cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận tài sản chung của vợ chồng là 05 chỉ vàng 24K và bị đơn là người quản lý số vàng này. Đồng thời, đối với việc bán 05 chỉ vàng 24K là do bị đơn tự quyết định, không có bàn bạc với nguyên đơn và bị đơn cũng không nói cho nguyên đơn biết bán 05 chỉ vàng 24K được bao nhiêu tiền và sử dụng vào mục đích gì. Mặt khác, bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử giấy xác nhận của chủ nhà trọ và người cho thuê các vật dụng như: tủ lạnh, máy giặt, xoong, nồi và các vật dụng khác từ tỉnh Đồng Nai về xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng thừa nhận là trước khi sinh con thì nguyên đơn đã về nhà mẹ ruột của nguyên đơn sống đến nay, không có sống ở nhà trọ; đồng thời bị đơn cũng xác định các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, hiện bị đơn là người đang quản lý, sử dụng, phục vụ cho nhu cầu cá nhân bị đơn, không phục vụ lợi ích chung của vợ chồng nên các khoản chi phí này không có giá trị chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Hơn nữa, nguyên đơn cũng không yêu cầu chia các tài sản: tủ lạnh, máy giặt, xoong, nồi... là có lợi cho bị đơn.

Bị đơn cho rằng đã sử dụng hết 05 chỉ vàng 24K nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”* và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án phải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trước có trong hồ sơ vụ việc”*.

Xét thấy, tài sản chung của vợ chồng về nguyên tắc phải được vợ chồng chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Bị đơn quản lý tài sản chung gồm số vàng 05 chỉ vàng 24K, khi bị đơn sử dụng tài sản chung của vợ chồng, không thông báo cho nguyên đơn biết, không có ý kiến và sự đồng ý của nguyên đơn. Do đó, bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng tài sản chung của vợ chồng khi chưa có ý kiến và sự đồng ý của nguyên đơn.

Căn cứ vào lời thừa nhận của các bên tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định số tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn sau khi trừ chi phí trong thời gian nguyên đơn sinh con còn 04 chỉ vàng 24K. Cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét, giải quyết chia đôi, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung và hiện số vàng do bị đơn quản lý nên buộc bị đơn thôi chia cho nguyên đơn 02 chỉ vàng 24K là có căn cứ và phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xác định vàng 24K loại bao nhiêu % dẫn đến khó khăn cho việc thi hành án. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận tài sản chung là vàng 24K loại 95%, tại thời điểm xét xử sơ thẩm vàng 24K loại 95% có giá là 5.632.500 đồng/chỉ, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh loại vàng nhưng không sửa án, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn kháng cáo không đồng ý chia đôi tài sản chung với nguyên đơn là không có căn cứ, không phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ - ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thúy Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thúy Q được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đỗ Chí T1, giới tính nam, sinh ngày 10/5/2020. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đỗ Chí T1, với mức cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), cấp dưỡng hàng tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/5/2021) đến khi cháu T1 tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đỗ Thúy Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thúy Q mỗi người được chia 02 (Hai) chỉ vàng 24K loại 95%. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thối chia cho chị Đỗ Thúy Q 02 (Hai) chỉ vàng 24K loại 95%.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Đỗ Thúy Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 563.250 đồng (Năm trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm chục đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005031 ngày 06 tháng 10 năm 2020 và 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005109 ngày 12 tháng 11 năm 2020 chị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Chị Đỗ Thúy Q phải nộp thêm 163.250 đồng (Một trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm chục đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng và 563.250 đồng (Năm trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm chục đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã

nộp theo biên lai thu số 0005345 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 07 tháng 12 năm 2021.

*** Nơi nhận:**

- VKSND T. Hậu Giang;
- TAND TX. C;
- CC.THADS TX. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Luông